NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNH, ngày tháng năm 202 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ – CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH BÁN PHẦN**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
- Mã ngành [1]: 7340405
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo thông tin tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng … năm …**

1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9			19			20.4%
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	*Cơ sở ngành*	16	3		46	9		43.2%
2.2	*Ngành và chuyên ngành*	12	4		38	12		36.4%
	Tổng cộng	**37**	**7**		**103**	**21**		**100%**

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	**13**

[1] Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0		1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2	2	0	0	MLM306	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	2	0	0	MLM306	2
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	2
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	MLM306	2
6	MAE701	Toán kinh tế 1 / Mathematics for Economics 1	2	2	0	0		1
7	MAE702	Toán kinh tế 2 / Mathematics for Economics 2	2	2	0	0		2
8	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh / Sustainable development and green finance	2	2	0	0		1
9	LAW798	Pháp luật và Thể chế / Law and Institution	2	2	0	0		1
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
	Học phần khối kiến thức cơ sở ngành							
		Học phần bắt buộc						
10	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3	3	0	0		1
11	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3	3	0	0		2
12	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3	3	0	0		1

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
13	FIN303	Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance	3	3	0	0	ACC301	3
14	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	3	3	0	0		2
15	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	3	3	0	0		4
16	DIM706	Marketing số / Digital Marketing	3	3	0	0		3
17	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Research Methods	3	3	0	0		4
18	ITS772	Phát triển năng lực số / Digital Capabilities Development	3	3	0	0	Chứng chỉ UDCNTT nâng cao, Chứng nhận ứng dụng AI	4
19	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business	2	2	0	0		1
20	ITS765	Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại / Artificial Intelligence in Contemporary Management: Principles and Applications	2	2	0	0		2
21	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính / Money, Banking and FinTech	3	3	0	0		4
22	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems	3	3	0	0		3
23	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	3	3	0	0		3
24	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	3	3	0	0	ITS723	3
25	ENP757	Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / English for Management Information Systems	3	3	0	0	IELTS 4.5/ Vstep 3/6/ tương đương	4
	Học phần tự chọn (chọn 03 môn trong cùng một định hướng liên ngành)							
	Định hướng Thương mại điện tử							

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
26a	ITB303	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	3	3	0	0		3
27a	ITS758	Chiến lược kinh doanh điện tử / Electronic Business Strategy	3	3	0	0	ITB303	4
28a	ECS701	Marketing cho Thương mại điện tử / Marketing for Electronic Commerce	3	3	0	0	DIM706	6
	Định hướng Khởi nghiệp							
26b	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	3	0	0	MAG322	3
27b	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số / Entrepreneuship in The Digital Age	3	3	0	0	MAG322	4
28b	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo / Innovation and creativity management	3	3	0	0	MAG322	6
	Định hướng Dữ liệu							
26c	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	3	0	0	MAG322	3
27c	ITS718	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems	3	3	0	0	ITS302	4
28c	ITS324	Khai phá dữ liệu / Data Mining	3	3	0	0		6
	Học phần khối kiến thức ngành							
		Học phần bắt buộc						
29	ITS781	Database Management Systems / Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	2	0	0	ITS302	5
30	ITS782	Information Security / An toàn bảo mật thông tin	3	3	0	0	ITS709	6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
31	ITS744	Information Systems Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	3	0	0	ITS304	5
32	ITS734	Business Analysis / Phân tích kinh doanh	3	3	0	0		5
33	ITS742	Enterprise Resource Planning System / Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	3	0	0	ITS304	6
34	ITS783	Object-oriented Programming / Lập trình hướng đối tượng	3	3	0	0	ITS318	5
		Học phần tự chọn (chọn 02 môn trong 03 môn)						
35	ITS788	Developing Applications for Mobile / Phát triển ứng dụng di động	3	3	0	0	ITS318	5
36	ITS780	Applied Algorithms in Business / Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	3	0	0	ITS723	5
	ITS779	Web programming / Lập trình web	3	3	0	0	ITS318	5
	Học phần chuyên ngành							
		Học phần bắt buộc						
37	ITS784	Software Testing and Quality Assurance / Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	2	2	0	0	ITS318	6
38	ITS785	Information Systems Audit and Control / Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin	2	2	0	0	ACC301	7
39	ITS735	Business Process Management / Quản lý quy trình nghiệp vụ	2	2	0	0	ITS304	6
40	ITS745	Information Systems Project Management / Quản trị dự án hệ thống thông tin	3	3	0	0	ITS744	7
		Học phần tự chọn (chọn 02 môn trong 03 môn)						
41	ITS773	Analysis of Digital Media and Social Networks Data / Phân tích	3	3	0	0		7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		dữ liệu truyền thông số và mạng xã hội						
42	ITS737	Digital Business Transformation / Chuyển đổi kinh doanh số	3	3	0	0		7
	ITS787	Developing Open Source Software / Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	3	0	0	ITS318	7
	Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế của Trường)							
43	INT714	Management Information Systems Internship / Thực tập cuối khóa ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	0	0	3		7
	Học phần tốt nghiệp:							
44	REP714	Graduation Thesis in Management Information Systems / Khóa luận tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý	9	0	0	9		8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			**124**					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**103**					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**21**					

KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT

TRƯỞNG KHOA

Trịnh Hoàng Nam